TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2019/DS-ST Ngày: 16 - 4 - 2019 Về vụ: *"Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản"*.	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Trí;
2. Ông Trần Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bưởi – Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2018/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H - Sinh năm: 1960; Ông T – sinh năm: 1959; ông T ủy quyền cho bà H đại diện; Cùng địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Bà H có mặt.

- *Bị đơn:* Bà K - Sinh năm: 1967; Ông Q – sinh năm: 1964; Cùng địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà H trình bày:*

Trong thời gian từ năm 2014 đến 2015, vợ chồng ông Q, bà K vay tiền của vợ chồng bà H, ông T 03 lần, tổng cộng 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng),* lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 3%/tháng. Sau vay, vợ chồng ông Q, bà K đã trả được 03 tháng lãi thì xin không trả lãi nữa. Đối với tiền vốn vay, vợ chồng ông Q trả nhiều lần được 90.000.000đ *(Chín mươi triệu đồng)*; số còn lại 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* đến nay không trả. Nay, yêu cầu vợ chồng ông Q, bà K phải trả số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* nói trên, không yêu cầu lãi. Ngoài ra, bà H, ông T không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn vợ chồng ông Q, bà K* đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giả quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bị đơn bà K, ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Áp dụng pháp luật: Xét thấy các bên xác lập Hợp đồng vay tài sản trong thời gian năm 2014, 2015, là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nhưng Hợp đồng này có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung:

Xét thấy: Bà H cung cấp 02 giấy nợ gốc; trong đó:

+ 01 giấy nợ thể hiện: Vào ngày 14/02/2015, bà K, ông Q ký giấy mượn của vợ chồng bà H số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* và số tiền 20.00.000đ đã mượn vào ngày 04/12/2014, hẹn đến 4/2015 sẽ hoàn trả;

+ 01 giấy nợ thể hiện: Ngày 06/12/2015 vợ chồng ông Q, bà K ký giấy mượn số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng).*

Tổng cộng 02 giấy nợ: 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng).*

Trong quá trình giải quyết, vợ chồng ông Q, bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn nên đủ cơ sở xác định bà K, ông Q có vay của bà H, ông T số tiền 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng),* sau khi vay, vợ chồng bà K đã trả tổng cộng 90.000.000đ *(Chín mươi triệu đồng),* số còn lại 30.000.000đ đến nay chưa trả là sự thật.

Đối với số tiền lãi đã trả: Bà H khai sau khi vay, vợ chồng bà K, ông Q đã trả được 03 tháng tiền lãi là 9.000,000đ *(Chín triệu đồng)*. Xét: Bà H khai lãi suất các bên thỏa thuận là 2,5%, đối chiếu với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi thỏa thuận nói trên vượt qúa mức cho phép. Tuy nhiên, vợ chồng bà K vay tiền của bà H lần lượt vào các ngày 04/12/2014, 14/02/2015 và 06/12/2015; từ đó đến nay chỉ trả được tổng số lãi là 9.000.000đ *(Chín triệu đồng)*. Như vậy, số tiền lãi vợ chồng bà K đã trả nói trên chưa vượt quá mức quy định và bà H không yêu cầu gì về lãi nên không xét.

Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H, ông T: Buộc vợ chồng bà K, ông Q phải trả cho vợ chồng bà H, ông T số tiền: 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng).*

Bị đơn bà K, ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng).* Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9, 26 Nghị quyết 326 của UBNTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà H, ông T: Buộc vợ chồng bà K, ông Q phải trả cho vợ chồng bà H, ông T số tiền: 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà K và ông Q phải chịu: 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng).*

Hoàn lại cho bà H, ông T số tiền 750.000đ *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* đã thu tại Biên lai thu tiền số 0013652 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đông Hòa;
- Chi cục THA dân sự huyện Đông Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Lê Thanh Huệ